

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỒ SƠ KỸ THUẬT LỰA CHỌN
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THUÊ MÔI TRƯỜNG RỪNG

(kèm theo Quyết định số 02/QĐ-BQL ngày 08/01/2026 của Ban quản lý rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh về việc phê duyệt hồ sơ kỹ thuật để lựa chọn tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại Khu bảo tồn thiên nhiên Tây Côn Lĩnh, giai đoạn 2025 – 2030)

Nội dung: Thuê môi trường rừng để kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại Khu bảo tồn thiên nhiên Tây Côn Lĩnh

Bên cho thuê: Ban quản lý rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh

Phát hành ngày: 08/01/2026

BÊN CHO THUÊ MÔI TRƯỜNG RỪNG
BAN QUẢN LÝ RỪNG ĐẶC DỤNG
TÂY CÔN LĨNH
GIÁM ĐỐC



Cao Đạo Quang

Năm 2025

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. CHỈ DẪN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THUÊ MÔI TRƯỜNG RỪNG

RỪNG	1
1. Thông tin bên cho thuê môi trường rừng.....	1
2. Hành vi bị cấm	1
3. Tư cách hợp lệ.....	2
4. Nội dung Hồ sơ kỹ thuật lựa chọn tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng.....	3
5. Làm rõ Hồ sơ kỹ thuật	3
6. Khảo sát hiện trường.....	3
7. Chi phí.....	3
8. Ngôn ngữ của Hồ sơ thuê môi trường rừng	4
9. Thành phần của Hồ sơ thuê môi trường rừng.....	4
10. Quy cách và chữ ký trong Hồ sơ thuê môi trường rừng.....	6
11. Niêm phong và ghi bên ngoài Hồ sơ thuê môi trường rừng.....	6
12. Thời điểm hết hạn nộp hồ sơ thuê môi trường rừng.....	7
13. Sửa đổi, thay thế và rút Hồ sơ thuê môi trường rừng	7
14. Mở hồ sơ đề nghị thuê môi trường rừng	7
15. Bảo mật.....	9
16. Làm rõ Hồ sơ thuê môi trường rừng	9
17. Đánh giá Hồ sơ thuê môi trường rừng và lựa chọn tổ chức, cá nhân ..	9
18. Hủy Hồ sơ thuê môi trường rừng.....	10
19. Công khai kết quả lựa chọn tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng	10
20. Giải quyết kiến nghị trong lựa chọn tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng.....	11
21. Xử lý vi phạm trong lựa chọn tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng	11
22. Địa chỉ nhận Hồ sơ thuê môi trường rừng	11
CHƯƠNG II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ THUÊ MÔI TRƯỜNG RỪNG.....	12
1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ hồ sơ thuê môi trường rừng.....	12
1.1. Kiểm tra hồ sơ thuê môi trường rừng.....	12
1.2. Đánh giá tính hợp lệ hồ sơ thuê môi trường rừng.	12
2. Hồ sơ kỹ thuật để lựa chọn tổ chức, cá nhân	12
2.1. Căn cứ lập hồ sơ kỹ thuật.....	12

2.2. Phương pháp đánh giá	13
2.3. Tiêu chuẩn đánh giá.....	13
3. Giá, thời gian thuê môi trường rừng.	13
3.1. Giá thuê môi trường rừng.	13
3.2. Thời gian.	14
BẢNG 1. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM, KỸ THUẬT VÀ TÀI CHÍNH.....	15
CHƯƠNG III. BIỂU MẪU HỒ SƠ THUÊ MÔI TRƯỜNG RỪNG	21
Mẫu số 01	22
Mẫu số 02	24
Mẫu số 03	26
Mẫu số 04	29
Mẫu số 05	30
Mẫu số 06	31
Mẫu số 07	33
Mẫu số 08	34
Mẫu số 09	36
PHỤ LỤC SỐ 01.....	43
PHỤ LỤC SỐ 02.....	44

MÔ TẢ TÓM TẮT

Chương I. Chỉ dẫn tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ thuê môi trường rừng. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp hồ sơ thuê môi trường rừng, đánh giá hồ sơ thuê môi trường rừng và lựa chọn tổ chức, cá nhân.

Chương II. Quy trình và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ thuê môi trường rừng

Chương này quy định quy trình và tiêu chuẩn để đánh giá hồ sơ thuê môi trường rừng.

Chương III: Mẫu biểu hồ sơ thuê môi trường rừng

1. Mẫu số 01: Đơn đề nghị thuê môi trường rừng
2. Mẫu số 02: Giấy ủy quyền
3. Mẫu số 03: Thỏa thuận liên danh
4. Mẫu số 04: Thông tin về tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng.
5. Mẫu số 05: Kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng.
6. Mẫu số 06: Năng lực tài chính tổ chức, cá nhân thuê môi trường.
7. Mẫu số 07: Cam kết nguồn cung cấp tài chính.
8. Mẫu số 08: Biểu đánh giá tính hợp lệ của Hồ sơ thuê môi trường rừng của tổ chức, cá nhân.
9. Mẫu số 09: Bảng chấm điểm hồ sơ thuê môi trường rừng.

CHƯƠNG I. CHỈ DẪN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THUÊ MÔI TRƯỜNG RỪNG

1. Thông tin bên cho thuê môi trường rừng	1.1. Thông tin Bên cho thuê môi trường rừng. - Tên đơn vị cho tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng: Ban quản lý rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh. - Tên dự án: Thuê môi trường rừng để kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại Khu bảo tồn thiên nhiên Tây Côn Lĩnh - Tên cơ quan Nhà nước có thẩm quyền Ký hợp đồng với tổ chức, cá nhân: Ban quản lý rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh - Người đại diện: Ông Cao Đạo Quang - Giám đốc - Địa chỉ: thôn Làng Khến, xã Vị Xuyên, tỉnh Tuyên Quang - Số điện thoại: 0982367525 - Gmail: caoquangtcl@gmail.com 1.2. Thông tin về khu vực dự kiến cho thuê Môi trường rừng: - Vị trí, địa điểm, diện tích của các tuyến, điểm du lịch: Theo Quyết định số 1723/QĐ-UBND ngày 06/12/2024 của UBND tỉnh Hà Giang; Quyết định số 1004/QĐ-UBND ngày 26/06/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quyết định của UBND tỉnh Hà Giang phê Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong Khu bảo tồn thiên nhiên và Vườn quốc gia Du Già – Cao nguyên đá Đồng Văn giai đoạn 2024 – 2030. - Vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện khu vực dự kiến cho tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng: Không. - Loại hợp đồng: Hợp đồng thuê môi trường rừng để kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Khu bảo tồn thiên nhiên Tây Côn Lĩnh (theo mẫu tại Phụ lục IA của Nghị định số 91/2024/NĐ-CP của Chính phủ). - Thời gian cho thuê môi trường rừng không quá: 30 năm.
2. Hành vi bị cấm	2.1. Tổ chức, cá nhân đang trong quá trình giải thể; đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật. 2.2. Vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong lựa chọn tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng. 2.3. Thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông đồng, gian lận, cản trở và các hành vi vi phạm khác của pháp luật khi tham gia lựa chọn tổ chức, cá nhân thuê Môi trường rừng. - Thông đồng bao gồm các hành vi sau đây:

	+ Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị hồ sơ dự thuê môi trường rừng hoặc rút Hồ sơ đăng ký thuê môi trường rừng để một bên trúng thuê môi trường rừng. + Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký hợp đồng thuê môi trường rừng hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thuê môi trường rừng. + Tổ chức, cá nhân có năng lực, kinh nghiệm trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí và đáp ứng yêu cầu của hồ sơ kỹ thuật thuê môi trường rừng nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được bên mời thuê môi trường rừng yêu cầu làm rõ Hồ sơ đăng ký thuê môi trường rừng hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thuê môi trường rừng. - Gian lận bao gồm các hành vi sau đây: + Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong Hồ sơ đăng ký thuê môi trường rừng. + Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong hồ sơ quan tâm, hồ sơ tham gia thuê môi trường rừng, hồ sơ đề xuất nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng. - Cản trở bao gồm các hành vi sau đây: + Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra. + Cản trở người có thẩm quyền, bên mời thuê môi trường rừng trong lựa chọn tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng. + Cản trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, đối với hoạt động cho thuê môi trường rừng. + Cố tình khiếu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động cho thuê môi trường rừng. + Có hành vi vi phạm pháp luật nhằm can thiệp, cản trở việc cho thuê môi trường rừng.
3. Tư cách hợp lệ	Tổ chức, cá nhân độc lập hoặc liên danh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: 3.1. Có đơn đăng ký; giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp mà tổ chức, cá nhân đang hoạt động. Giấy chứng nhận đăng ký doanh

	nghiệp có ngành nghề kinh doanh du lịch, lữ hành (tour), nông lâm nghiệp và các tài liệu liên quan khác như thảo thuận liên doanh, tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn đề nghị thuê môi trường rừng,... 3.2. Có tài liệu thể hiện rõ bộ máy nhân lực để quản lý, vận hành dự án thuê môi trường rừng (chuyên gia lĩnh vực du lịch hoặc nông lâm nghiệp hoặc các lĩnh vực khác có liên quan). 3.3. Có cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền về: Bảo vệ môi trường, bảo vệ rừng, đa dạng sinh học và cam kết gắn bó lợi ích lâu dài với Khu Bảo tồn. 3.7. Không thuộc các trường hợp quy định tại mục 2 Chương này. <i>Lưu ý: Các điều kiện tại Mục này là điều kiện bắt buộc. Tổ chức, cá nhân không đáp ứng đầy đủ tư cách hợp lệ thì không được xem xét, đánh giá tại bước chấm điểm.</i>
4. Nội dung Hồ sơ kỹ thuật lựa chọn tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng	Hồ sơ kỹ thuật gồm có Chương 1, Chương 2, Chương 3 và các tài liệu sửa đổi hồ sơ thuê môi trường rừng (nếu có) trong đó bao gồm các nội dung sau đây: - Chương I. Chỉ dẫn tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng. - Chương II. Quy trình và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ thuê môi trường rừng. - Chương III. Mẫu biểu Hồ sơ thuê môi trường rừng. Tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng phải nghiên cứu tất cả các thông tin chỉ dẫn, biểu mẫu, yêu cầu về thực hiện dự án và các yêu cầu khác trong hồ sơ kỹ thuật này để chuẩn bị Hồ sơ thuê môi trường rừng.
5. Làm rõ Hồ sơ kỹ thuật	Trường hợp tổ chức, cá nhân cần làm rõ thêm nội dung trong Hồ sơ kỹ thuật, Hồ sơ thuê môi trường rừng phải gửi đề nghị bằng văn bản đến Ban quản lý rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh trước ngày hết hạn nộp hồ sơ tối thiểu 10 ngày làm việc. Ban quản lý rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh sẽ có văn bản trả lời tổ chức, cá nhân trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị làm rõ của tổ chức, cá nhân.
6. Khảo sát hiện trường	6.1. Tổ chức, cá nhân được tiếp cận, khảo sát hiện trường khu vực dự kiến cho thuê môi trường rừng với điều kiện tổ chức, cá nhân cam kết rằng Ban quản lý rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tổ chức, cá nhân trong việc khảo sát hiện trường. Tổ chức, cá nhân sẽ tự chịu trách nhiệm cho những rủi ro của mình như cháy rừng, tai nạn, mất mát hoặc thiệt hại tài sản và bất kỳ chi phí nào khác phát sinh từ việc khảo sát hiện trường. 6.2. Tổ chức, cá nhân thông báo trước cho Ban quản lý rừng về việc đề xuất tổ chức khảo sát hiện trường khu vực dự kiến thuê môi trường rừng.
7. Chi phí	Tổ chức, cá nhân phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc khảo sát hiện

	trường, chuẩn bị và nộp Hồ sơ thuê môi trường rừng. Ban quản lý rừng sẽ không chịu các chi phí liên quan đến Hồ sơ thuê môi trường rừng của tổ chức, cá nhân.
8. Ngôn ngữ của Hồ sơ thuê môi trường rừng	Hồ sơ thuê môi trường rừng cũng như tất cả các thư từ và tài liệu liên quan đến Hồ sơ thuê môi trường rừng được viết bằng ngôn ngữ tiếng Việt
9. Thành phần của Hồ sơ thuê môi trường rừng	Hồ sơ thuê môi trường rừng của tổ chức, cá nhân lập theo đúng Phương án quản lý rừng bền vững; Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí của Khu Bảo tồn giai đoạn 2024 – 2030 và quy định hiện hành, tài liệu gồm: 9.1. Đơn đề nghị thuê môi trường rừng (Mẫu số 01 Chương III). 9.2. Thông tin tổ chức, cá nhân (Mẫu số 04 Chương III) 9.3. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn đề nghị thuê môi trường rừng. 9.4. Giấy ủy quyền ký đơn nghị thuê môi trường rừng theo quy định tại (Mẫu số 02 Chương III). 9.5. Thỏa thuận liên danh (Mẫu số 03 Chương III) 9.6. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân (Mẫu số 05 Chương III). - Giấy đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh du lịch, lữ hành (tour), nông lâm nghiệp. - Tài liệu thể hiện rõ bộ máy nhân lực để quản lý, vận hành dự án thuê môi trường rừng (chuyên gia, kỹ sư, kiến trúc sư, kế toán, công nhân...) của tổ chức, cá nhân. - Tài liệu chứng minh đủ năng lực vốn để chi trả tiền thuê môi trường rừng tối thiểu tại điểm thuê môi trường rừng doanh nghiệp đăng ký trong 10 năm liên tiếp. (Mẫu số 06 Chương III) - Cam kết nguồn cung cấp tài chính (Mẫu số 07 Chương III). - Báo cáo tài chính năm gần nhất (năm liền kề). Chứng minh có doanh thu từ hoạt động du lịch - Đối với trường hợp tổ chức, cá nhân là cá nhân muốn thuê môi trường rừng phải có đủ tư cách pháp nhân, liên kết hoặc thành lập tổ chức hợp tác xã. + Phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Mục 9 này. + Liên kết phải có hợp đồng liên kết/hợp đồng hợp tác đầu tư được công chứng, trong đó ghi rõ trách nhiệm, tỷ lệ vốn góp, quyền và nghĩa vụ của các bên;

+ Cá nhân tham gia với vai trò đồng đầu tư phải chứng minh nguồn vốn hợp pháp, minh bạch.

9.7. Có báo cáo thuyết minh phương án tổ chức kinh doanh phù hợp với Đề án Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí của Khu Bảo tồn đã được UBND tỉnh phê duyệt. Trong đó báo cáo cần lưu ý:

- Có sơ bộ bản vẽ không gian kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật kết nối các điểm du lịch trong đó thể hiện rõ vị trí khu vực dự kiến, địa điểm, quy mô, tỷ lệ xây dựng công trình phù hợp với Đề án du lịch được duyệt và đúng quy định hiện hành.

- Có giải pháp bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, bảo tồn và phát triển tài nguyên rừng trên diện tích tổ chức hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; giải pháp công nghệ xử lý chất thải sinh hoạt theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Có giải pháp sử dụng nguồn lao động địa phương; phát triển cộng đồng và bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa bản địa.

- Có tài liệu chứng minh đã từng có hoạt động đóng góp cho ngành lâm nghiệp (tài trợ cây, tài trợ đề án, tài trợ ngân sách...nếu có).

- Loại hình du lịch, sản phẩm du lịch và phương án đầu tư, xây dựng công trình dự án (gồm phạm vi, quy mô, sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án, thời gian, tiến độ, phân kỳ đầu tư xây dựng công trình) phù hợp với Đề án được duyệt.

- Có báo cáo bằng ảnh chụp chứng minh đã đi khảo sát thực tế, hiểu rõ hiện trạng rừng và tình trạng xã hội tại khu vực (xác định vị trí bằng hình ảnh hiện trường có mốc thời gian và tọa độ). Cam kết bằng văn bản nếu được lựa chọn thuê môi trường rừng thì phải tổ chức đánh giá hiện trạng rừng trước khi ký hợp đồng thuê môi trường rừng.

9.8. Có phương án đầu tư tài chính trong đó thể hiện rõ dự kiến nguồn thu và phương án giá thuê môi trường rừng.

9.9. Có phương án xử lý tài sản sau khi hết thời hạn hợp đồng (do hết hạn hợp đồng nhưng không được gia hạn, do chấm dứt hợp đồng bởi nguyên nhân khác).

9.10. Có cam kết thời gian thực hiện dự án, thời gian khai thác, phát sinh doanh thu.

9.11. Các điều kiện khác về quản lý rừng bền vững.

- Có cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền về bảo vệ môi trường, bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, đa dạng sinh học và cam kết gắn bó lợi ích lâu dài với Khu Bảo tồn.

- Có cam kết thỏa thuận với hộ gia đình, cộng đồng nhận khoán trên diện

	tích thuê môi trường rừng. Có giải pháp để không tạo ra xung đột về lợi ích với hộ gia đình, cá nhân, tổ chức bên nhận khoán bảo vệ rừng; giảm sức ép lên lực lượng bảo vệ rừng (ưu tiên tổ chức, cá nhân đã có thỏa thuận với cộng đồng thôn đang nhận khoán bảo vệ rừng trên lâm phần Khu Bảo tồn tại các địa điểm cho thuê môi trường rừng). 9.12. Các nội dung khác theo quy định.
10. Quy cách và chữ ký trong Hồ sơ thuê môi trường rừng	10.1. Tổ chức, cá nhân phải chuẩn bị Hồ sơ thuê môi trường rừng bao gồm: 01 bản gốc và 14 bản sao từ bản gốc. Trường hợp có sửa đổi, thay thế Hồ sơ thuê môi trường rừng thì tổ chức, cá nhân phải chuẩn bị 01 bản gốc và 14 bản sao. 10.2. Tổ chức, cá nhân phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản sao. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản sao được coi là hồ sơ không hợp lệ. 10.3. Hồ sơ thuê môi trường rừng phải được đánh máy và đánh số trang theo thứ tự liên tục. 10.4. Trường hợp là tổ chức, cá nhân liên danh thì các nội dung của Hồ sơ thuê môi trường rừng được đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh hoặc của thành viên đứng đầu liên danh theo phân công trách nhiệm tại thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có). (Mẫu số 03 Chương III). Văn bản thỏa thuận liên danh phải được đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có). 10.5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký Hồ sơ thuê môi trường rừng.
11. Niêm phong và ghi bên ngoài Hồ sơ thuê môi trường rừng	11.1. Bên ngoài túi đựng và trên trang bìa của các hồ sơ tương ứng phải ghi rõ “BẢN GỐC HỒ SƠ THUÊ MÔI TRƯỜNG RỪNG”, “BẢN SAO HỒ SƠ THUÊ MÔI TRƯỜNG RỪNG”. Trường hợp tổ chức, cá nhân có sửa đổi, thay thế Hồ sơ thuê môi trường rừng thì phải được đựng trong các túi riêng biệt; bên ngoài túi đựng và trên trang bìa của các hồ sơ tương ứng phải ghi rõ “BẢN GỐC HỒ SƠ THUÊ MÔI TRƯỜNG RỪNG SỬA ĐỔI”, “BẢN SAO HỒ SƠ THUÊ MÔI TRƯỜNG RỪNG SỬA ĐỔI”, “BẢN GỐC HỒ SƠ THUÊ MÔI TRƯỜNG RỪNG THAY THẾ”, “BẢN SAO HỒ SƠ THUÊ MÔI TRƯỜNG RỪNG THAY THẾ”. Các túi đựng Hồ sơ thuê môi trường rừng hoặc sửa đổi hoặc thay thế phải được niêm phong. Cách niêm phong theo quy định riêng của tổ chức, cá nhân. 11.2. Trên túi đựng hồ sơ phải ghi đầy đủ các thông tin:

	- Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân. - Bên nhận là Ban quản lý rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh. - Khu vực tổ chức, cá nhân đề nghị thuê môi trường rừng. - Dòng chữ cảnh báo: “không được mở trước thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đề nghị thuê môi trường rừng”. - Lập danh mục tài liệu trong hồ sơ đề nghị thuê môi trường rừng (cả bản gốc và bản sao). 11.3. Trong trường hợp Hồ sơ thuê môi trường rừng gồm nhiều tài liệu, tổ chức, cá nhân cần thực hiện việc đóng gói toàn bộ tài liệu sao cho việc tiếp nhận và bảo quản Hồ sơ được thuận tiện, bảo đảm sự toàn vẹn, tránh thất lạc, mất mát. 11.4. Tổ chức, cá nhân phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định của Hồ sơ thuê môi trường rừng này như không niêm phong hoặc làm mất niêm phong Hồ sơ thuê môi trường rừng trong quá trình chuyển đến Ban quản lý rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh, không ghi đúng các thông tin trên túi đựng Hồ sơ thuê môi trường rừng theo hướng dẫn quy định tại các Mục 11.1; Mục 11.2 và Mục 11.3. Ban quản lý rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh sẽ không chịu trách nhiệm về tính bảo mật thông tin của Hồ sơ thuê môi trường rừng nếu tổ chức, cá nhân không thực hiện đúng quy định nêu trên.
12. Thời điểm hết hạn nộp hồ sơ thuê môi trường rừng	12.1. Ban quản lý rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh tiếp nhận Hồ sơ thuê môi trường rừng của tất cả tổ chức, cá nhân nộp Hồ sơ. 12.2. Ban quản lý rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh sẽ không xem xét bất kỳ Hồ sơ thuê môi trường rừng nào được nộp sau thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đề nghị thuê môi trường rừng.
13. Sửa đổi, thay thế và rút Hồ sơ thuê môi trường rừng	Sau khi nộp Hồ sơ thuê môi trường rừng tổ chức, cá nhân có thể sửa đổi, thay thế hoặc rút Hồ sơ bằng cách gửi văn bản đề nghị do đại diện hợp pháp của tổ chức, cá nhân ký tên, đóng dấu (nếu có) đến Ban quản lý rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh. Tổ chức, cá nhân phải gửi kèm theo các tài liệu theo quy định chứng minh tư cách hợp lệ của của người ký văn bản đề nghị sửa đổi, thay thế hoặc rút Hồ sơ.
14. Mở hồ sơ đề nghị thuê môi trường rừng	14.1. Ban quản lý rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh mở công khai hồ sơ thuê môi trường rừng trước sự chứng kiến của đại diện của các tổ chức, cá nhân và đại diện của các cơ quan, tổ chức có liên quan (nếu có). Việc mở hồ sơ thuê môi trường rừng không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của tổ chức, cá nhân đề nghị thuê môi trường rừng. 14.2. Việc mở hồ sơ thuê môi trường rừng được thực hiện đối với từng Hồ sơ thuê môi trường rừng theo trình tự sau đây:

- Kiểm tra niêm phong.

- Mở bản gốc Hồ sơ thuê môi trường rừng hoặc Hồ sơ thuê môi trường rừng sửa đổi (nếu có) hoặc Hồ sơ huê môi trường rừng thay thế (nếu có) và đọc rõ những thông tin sau: tên tổ chức, cá nhân, hiệu lực của Hồ sơ thuê môi trường rừng và các thông tin khác khi thấy cần thiết;

- Ban quản lý rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh không được loại bỏ bất kỳ thành phần hồ sơ nào khi mở Hồ sơ thuê môi trường rừng của tổ chức, cá nhân.

14.3. Đối với trường hợp rút Hồ sơ thuê môi trường rừng

Ban quản lý rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh đọc rõ các thông tin văn bản đề nghị rút Hồ sơ thuê môi trường rừng của tổ chức, cá nhân có đề nghị rút Hồ sơ thuê môi trường rừng sẽ được trả lại cho tổ chức, cá nhân. Ban quản lý rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh sẽ không chấp nhận cho tổ chức, cá nhân rút Hồ sơ thuê môi trường rừng và vẫn mở Hồ sơ thuê môi trường rừng nếu văn bản đề nghị rút Hồ sơ thuê môi trường rừng không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

14.4. Đối với trường hợp sửa đổi Hồ sơ thuê môi trường rừng

Ban quản lý rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh sẽ tiến hành mở túi đựng và đọc rõ thông tin tại văn bản đề nghị sửa đổi Hồ sơ thuê môi trường rừng, Hồ sơ thuê môi trường rừng sửa đổi trước khi mở túi đựng và đọc rõ thông tin trong Hồ sơ thuê môi trường rừng ban đầu của tổ chức, cá nhân. Ban quản lý rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh sẽ không chấp nhận cho tổ chức, cá nhân sửa đổi Hồ sơ thuê môi trường rừng nếu văn bản đề nghị sửa đổi Hồ sơ thuê môi trường rừng không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

14.5. Đối với trường hợp thay thế Hồ sơ thuê môi trường rừng

Ban quản lý rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh sẽ tiến hành mở túi đựng và đọc rõ thông tin tại văn bản đề nghị thay thế Hồ sơ thuê môi trường rừng, Hồ sơ thuê môi trường rừng thay thế. Hồ sơ thuê môi trường rừng ban đầu sẽ được trả lại cho tổ chức, cá nhân. Ban quản lý rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh sẽ không chấp nhận cho tổ chức, cá nhân thay thế Hồ sơ thuê môi trường rừng nếu văn bản đề nghị thay thế Hồ sơ thuê môi trường rừng không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

14.6. Ban quản lý rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh lập biên bản mở Hồ sơ thuê môi trường rừng. Đại diện của các tổ chức, cá nhân tham dự lễ mở hồ sơ đề nghị thuê môi trường rừng sẽ được yêu cầu ký vào biên bản (nếu có). Việc thiếu chữ ký của tổ chức, cá nhân trong biên bản sẽ không làm

	cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở hồ sơ thuê môi trường rừng sẽ được gửi đến tất cả các tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng.
15. Bảo mật	15.1. Ban quản lý rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh tiếp nhận và quản lý các Hồ sơ thuê môi trường rừng đã nộp cho đến khi công khai kết quả lựa chọn tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong Hồ sơ thuê môi trường rừng của tổ chức, cá nhân này cho tổ chức, cá nhân khác, trừ thông tin được công khai khi mở Hồ sơ thuê môi trường rừng. 15.2. Trừ trường hợp làm rõ Hồ sơ thuê môi trường rừng theo quy định tại Mục 16 Chương này. Tổ chức, cá nhân không được phép tiếp xúc với Ban quản lý rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh các tổ chức, cá nhân có liên quan về các vấn đề liên quan đến Hồ sơ thuê môi trường rừng của mình và các vấn đề khác liên quan đến khu vực dự kiến cho thuê môi trường rừng trong suốt thời gian từ khi mở Hồ sơ thuê môi trường rừng cho đến khi công khai kết quả lựa chọn tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng.
16. Làm rõ Hồ sơ thuê môi trường rừng	16.1. Trường hợp sau khi nộp hồ sơ, trước thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ thuê môi trường rừng, tổ chức, cá nhân phát hiện Hồ sơ thuê môi trường rừng thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì tổ chức, cá nhân được phép gửi tài liệu đến Ban quản lý rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình. Trong thời hạn theo quy định Ban quản lý rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của tổ chức, cá nhân để xem xét, đánh giá; các tài liệu bổ sung, làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi là một phần của Hồ sơ thuê môi trường rừng. Ban quản lý rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân về việc đã nhận được các tài liệu bổ sung làm rõ của tổ chức, cá nhân bằng một trong những cách sau: Gửi trực tiếp, đường bưu điện, fax hoặc e-mail.
17. Đánh giá Hồ sơ thuê môi trường rừng và lựa chọn tổ chức, cá nhân	17.1. Việc đánh giá Hồ sơ thuê môi trường rừng thực hiện theo quy trình và tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Chương II - Quy trình và tiêu chuẩn đánh giá Hồ sơ thuê môi trường rừng. 17.2. Ban quản lý rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh căn cứ Hồ sơ thuê môi trường rừng của tổ chức, cá nhân tổ chức đánh giá để lựa chọn tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng. - Trường hợp một địa điểm chỉ có một tổ chức, cá nhân đủ điều kiện, Ban quản lý rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh tiến hành đàm phán, ký hợp đồng cho thuê môi trường rừng, bảo đảm giá thuê môi trường rừng không thấp hơn 1% tổng doanh thu thực hiện trong năm, thuộc phạm vi diện tích cho thuê môi trường rừng.

	- Trường hợp một địa điểm có hai tổ chức, cá nhân trở lên đủ điều kiện thì Ban quản lý rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh lựa chọn tổ chức, cá nhân có số điểm đánh giá hồ sơ cao nhất; trong đó, yếu tố giá là một tiêu chí trong hồ sơ kỹ thuật, bảo đảm không thấp hơn 1% tổng doanh thu thực hiện trong năm, thuộc phạm vi diện tích cho thuê môi trường rừng. - Trường hợp có hai tổ chức, cá nhân cùng có số điểm đánh giá các tiêu chí ngang nhau, thì tổ chức, cá nhân được công nhận cho thuê môi trường rừng trong trường hợp tham gia đấu giá là tổ chức, cá nhân có phiếu trả giá cho thuê môi trường rừng cao nhất. Phiếu trả giá thuê môi trường rừng do Hội đồng đấu giá lập, phát hành.
18. Hủy Hồ sơ thuê môi trường rừng	Bên cho thuê môi trường rừng sẽ thông báo hủy Hồ sơ thuê môi trường rừng trong trường hợp sau đây: - Tất cả Hồ sơ thuê môi trường rừng không đáp ứng được các yêu cầu bắt buộc quy định tại mục 3 Chương này. - Thay đổi mục tiêu, quy mô, địa điểm, vốn đầu tư, thời hạn thực hiện dự án đầu tư kinh doanh vì lý do bất khả kháng, làm thay đổi tiêu chuẩn đánh giá trong Hồ sơ kỹ thuật đã phát hành. - Phát hiện Hồ sơ thuê môi trường rừng có một số nội dung chưa phù hợp với Đề án du lịch được phê duyệt dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn tổ chức, cá nhân hoặc tổ chức, cá nhân được lựa chọn không còn đáp ứng yêu cầu để thực hiện dự án đầu tư kinh doanh. - Tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Mục 2 Chương này.
19. Công khai kết quả lựa chọn tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng	Sau khi có Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng, Ban quản lý rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh thông báo kết quả lựa chọn bằng văn bản tới các tổ chức, cá nhân nộp Hồ sơ thuê môi trường rừng. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng bao gồm: - Tên dự án tại điểm du lịch tham gia thuê môi trường rừng. - Tên tổ chức, cá nhân được lựa chọn thuê môi trường rừng. - Danh sách tổ chức, cá nhân không được lựa chọn và lý do không được lựa chọn của từng tổ chức, cá nhân. - Kế hoạch đàm phán, hoàn thiện, ký kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân được lựa chọn. - Các nội dung khác (nếu có). - Cùng với văn bản thông báo kết quả lựa chọn tổ chức, cá nhân, Bên cho thuê môi trường rừng gửi thông báo chấp thuận Hồ sơ thuê môi trường rừng và đàm phán tổ chức, cá nhân ký kết hợp đồng.

	+ Trường hợp đàm phán, hoàn thiện hợp đồng không thành công, Bên cho thuê môi trường rừng báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định hủy kết quả lựa chọn và mời tổ chức, cá nhân xếp hạng tiếp theo đàm phán, hoàn thiện hợp đồng. Trường hợp đàm phán, hoàn thiện hợp đồng với các tổ chức, cá nhân tiếp theo thành công, Bên cho thuê môi trường rừng trình, thẩm định, phê duyệt, công khai kết quả lựa chọn tổ chức, cá nhân theo quy định. Trường hợp đàm phán, hoàn thiện hợp đồng với các tổ chức, cá nhân tiếp theo không thành công, Bên cho thuê môi trường rừng báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định hủy kết quả theo quy định. + Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn tổ chức, cá nhân, tổ chức, cá nhân không đến đàm phán để ký kết hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo thì sẽ bị loại.
20. Giải quyết kiến nghị trong lựa chọn tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng	Khi có thông báo kết quả lựa chọn tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng sau 05 ngày làm việc, tổ chức, cá nhân thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị ảnh hưởng, tổ chức, cá nhân có quyền gửi văn bản kiến nghị về các vấn đề trong quá trình lựa chọn, kết quả lựa chọn đến Ban quản lý rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh.
21. Xử lý vi phạm trong lựa chọn tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng	Tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về lựa chọn tổ chức, cá nhân và quy định khác của pháp luật có liên quan thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý theo quy định; trường hợp hành vi vi phạm pháp luật về lựa chọn tổ chức, cá nhân gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.
22. Địa chỉ nhận Hồ sơ môi trường rừng	Địa chỉ nhận hồ sơ thuê môi trường rừng, văn bản, kiến nghị: - Tên đơn vị: Ban quản lý rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh; - Địa chỉ: thôn Làng Khển, xã Vị Xuyên, tỉnh Tuyên Quang; - Người nhận hồ sơ: Ông Phạm Văn Tuấn – chức vụ: Viên chức – Quản lý bảo vệ rừng viên. - Số điện thoại: 0914910987.

CHƯƠNG II. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ THUÊ MÔI TRƯỜNG RỪNG

1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ hồ sơ thuê môi trường rừng

1.1. Kiểm tra hồ sơ thuê môi trường rừng

a) Kiểm tra số lượng bản gốc, bản sao hồ sơ thuê môi trường rừng.

b) Kiểm tra các thành phần của bản gốc hồ sơ thuê môi trường rừng, bao gồm: Đơn đề nghị thuê môi trường rừng; tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn đề nghị thuê môi trường rừng; giấy ủy quyền (nếu có); thỏa thuận liên danh (nếu có); tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân và các nội dung khác thuộc hồ sơ thuê môi trường rừng theo quy định tại Chương I. chỉ dẫn tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng.

c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản sao để phục vụ quá trình đánh giá hồ sơ thuê môi trường rừng.

1.2. Đánh giá tính hợp lệ hồ sơ thuê môi trường rừng.

a) Hồ sơ thuê môi trường rừng của tổ chức, cá nhân được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung theo quy định tại **Chương I. chỉ dẫn tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng**.

b) Tổ chức, cá nhân có hồ sơ thuê môi trường rừng được kết luận là “**Hợp lệ**” khi tất cả các nội dung bắt buộc được đánh giá là “**Đạt**”. Hồ sơ thuê môi trường rừng của tổ chức, cá nhân được kết luận là “**Không hợp lệ**” khi có nội dung bắt buộc được đánh giá là “**Không đạt**” và khi đó hồ sơ thuê môi trường rừng của tổ chức, cá nhân bị loại. Tổ chức, cá nhân có hồ sơ thuê môi trường rừng hợp lệ được xem xét, đánh giá hồ sơ thuê môi trường rừng.

2. Hồ sơ kỹ thuật để lựa chọn tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng

2.1. Căn cứ lập hồ sơ kỹ thuật

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1723/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh Hà Giang về phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong Khu bảo tồn thiên nhiên Tây Côn Lĩnh giai đoạn 2024–2030;

Căn cứ Quyết định số 1004/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quyết định của UBND tỉnh Hà Giang phê Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

trong Khu bảo tồn thiên nhiên và Vườn quốc gia Du Già – Cao nguyên đá Đồng Văn giai đoạn 2024 – 2030.

2.2. Phương pháp đánh giá

Các tiêu chí của hồ sơ kỹ thuật được quy ra số điểm để làm căn cứ đánh giá, lựa chọn với quy định điểm tối thiểu đủ điều kiện đạt của từng tiêu chí; tổng số điểm các tiêu chí đánh giá hồ sơ kỹ thuật là **100** điểm, trong đó quy định tổ chức, cá nhân đủ điều kiện đạt được điểm tối thiểu của tất cả các tiêu chí và khi đạt được tổng điểm tối thiểu từ **67** điểm trở lên theo quy định tại Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm, kỹ thuật và tài chính (theo điểm c khoản 6 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ).

Ban quản lý rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh căn cứ hồ sơ thuê môi trường rừng của tổ chức, cá nhân để tổ chức đánh giá, lựa chọn tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng (theo điểm đ khoản 6 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ) quy định:

- Trường hợp một địa điểm chỉ có một tổ chức, cá nhân đủ điều kiện, Ban quản lý rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh tiến hành đàm phán, ký hợp đồng cho thuê môi trường rừng, bảo đảm giá thuê môi trường rừng không thấp hơn 1% tổng doanh thu thực hiện trong năm, thuộc phạm vi diện tích cho thuê môi trường rừng.

- Trường hợp một địa điểm có hai tổ chức, cá nhân trở lên đủ điều kiện thì Ban quản lý rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh lựa chọn tổ chức, cá nhân có số điểm đánh giá hồ sơ cao nhất; trong đó, yếu tố giá là một tiêu chí trong hồ sơ kỹ thuật, bảo đảm không thấp hơn 1% tổng doanh thu thực hiện trong năm, thuộc phạm vi diện tích cho thuê môi trường rừng.

- Trường hợp có hai tổ chức, cá nhân cùng có số điểm đánh giá các tiêu chí ngang nhau, thì tổ chức, cá nhân được công nhận cho thuê môi trường rừng trong trường hợp tham gia đấu giá là tổ chức, cá nhân có phiếu trả giá cho thuê môi trường rừng cao nhất. Phiếu trả giá thuê môi trường rừng do Hội đồng đấu giá lập, phát hành.

2.3. Tiêu chuẩn đánh giá

Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân được thực hiện theo Bảng 1: Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kinh nghiệm, tài chính (theo điểm c khoản 6 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ).

3. Giá, thời gian thuê môi trường rừng

3.1. Giá thuê môi trường rừng.

Giá cho thuê môi trường rừng trong hồ sơ đăng ký của tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng được tính theo tỷ lệ phần trăm trên tổng doanh thu hàng năm và phải quy ra giá trị tuyệt đối để Ban quản lý rừng đánh giá, được ghi rõ

trong hợp đồng cho thuê môi trường rừng (quy định tại điểm g khoản 6 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP).

- Trường hợp sau khi ký hợp đồng, tỷ lệ phần trăm trên tổng doanh thu theo thực tế được quy ra giá trị tuyệt đối thấp hơn mức giá trị tuyệt đối ghi trong hợp đồng ký kết thì số tiền nộp cho Ban quản lý rừng tối thiểu bằng số tiền ghi trong hợp đồng.

- Tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng không phải thực hiện chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng đối với diện tích thuê một trường rừng.

3.2. Thời gian.

- Thời gian thuê môi trường rừng không quá 30 năm, định kỳ 05 năm đánh giá việc thực hiện hợp đồng, hết thời gian cho thuê nếu đơn vị thuê môi trường rừng thực hiện đúng hợp đồng và có nhu cầu gia hạn thì Ban quản lý rừng xem xét kéo dài thời gian cho thuê không quá hai phần ba thời gian thuê lần đầu (quy định tại điểm h khoản 6 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP).

- Trước khi ký hợp đồng cho thuê môi trường rừng theo Mẫu tại Phụ lục IA Nghị định số 91/2024/NĐ-CP. Phải thực hiện kiểm kê, thống kê hiện trạng rừng theo trạng thái trên diện tích cho thuê môi trường rừng để làm căn cứ bàn giao mốc giới, hiện trạng và quản lý, giám sát, đánh giá việc thực hiện hợp đồng (quy định tại điểm i khoản 6 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP).

BẢNG 1. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM, KỸ THUẬT VÀ TÀI CHÍNH

STT	Tiêu chí cụ thể đánh giá xét chọn tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng (quy định tại điểm c khoản 6 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP của Chính phủ)	Điểm tối đa	Nội dung và yêu cầu để tính điểm so với các tiêu chí đánh giá	Điều kiện
I	Năng lực, kinh nghiệm tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng trong lĩnh vực liên quan đến du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.	27		
1	1.1. Có đơn đăng ký tham gia thuê môi trường rừng để kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại Khu Bảo tồn. Bao gồm các nội dung sau: (Tên tổ chức, cá nhân đăng ký tham dự; Địa chỉ; Thông tin địa điểm muốn thuê khai thác du lịch.) 1.2. Thông tin tổ chức, cá nhân.	5	Đạt/Không đạt	Bắt buộc
2	2.1. Có giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép thành lập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật trong đó có ngành nghề kinh doanh du lịch, lữ hành (tour), nông lâm nghiệp. (Lưu ý: Tổ chức, cá nhân cung cấp bản sao y chứng thực). 2.2. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn đề nghị thuê môi trường rừng. 2.3. Thỏa thuận liên doanh, Giấy ủy quyền ký đơn nghị thuê môi trường rừng theo quy định (nếu có)	6	Đạt/Không đạt	Bắt buộc
3	Tổ chức, cá nhân đã từng hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí, đã có triển khai các hoạt động liên quan đến dự án môi trường rừng (ưu tiên tổ chức, cá nhân đã thuê môi trường rừng thực hiện du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí). Lưu ý: Tổ chức, cá nhân cung cấp bản sao y chứng thực hợp đồng, tài liệu liên quan	6	- Có hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh đã triển khai hoạt động ≥ 5 năm = 6 điểm; 3-<5 năm = 5 điểm; < 3 năm = 4 điểm.	Đánh giá

4	Có tài liệu thể hiện rõ bộ máy nhân lực để quản lý, vận hành dự án thuê môi trường rừng <i>Lưu ý: Tổ chức, cá nhân kê khai nhân lực của tổ chức, cá nhân có nhân sự quản lý, nhân sự về tài chính, nhân sự chuyên ngành khác</i>	5	Đạt/Không đạt	Bắt buộc
5	- Có đầy đủ hồ sơ, tài liệu hợp pháp chứng minh năng lực tài chính của tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng, bảo đảm khả năng đầu tư và chi trả tiền thuê môi trường rừng tại điểm đăng ký trong thời hạn tối thiểu 10 năm liên tiếp; - Có Báo cáo tài chính năm gần nhất (năm liền kề) thể hiện phát sinh doanh thu từ hoạt động du lịch. <i>Lưu ý: Ưu tiên tổ chức, cá nhân cung cấp Báo cáo tài chính năm liền kề đã qua kiểm toán</i>	5	- Đáp ứng đầy đủ tiêu chí và đã có doanh thu từ du lịch > 3 tỷ = 5 điểm. - Đáp ứng đầy đủ tiêu chí và đã có doanh thu từ du lịch từ 1 ≤ 3 tỷ = 4 điểm. - Đáp ứng đầy đủ tiêu chí và đã có doanh thu từ du lịch ≤ 1 tỷ = 3 điểm.	Đánh giá
II	Phương án tổ chức kinh doanh	34		
1	Có thuyết minh Hồ sơ đề xuất (tương tự Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án Du lịch sinh thái, giải trí phù hợp với Đề án được UBND tỉnh phê duyệt. Trong đó lưu ý thêm: 1.1. Thuyết minh phương án tổ chức kinh doanh (Loại hình du lịch, sản phẩm du lịch và phương án đầu tư, xây dựng công trình dự án (gồm phạm vi, quy mô, sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án, thời gian, tiến độ, phân kỳ đầu tư xây dựng công trình)). 1.2. Giải pháp bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng, bảo tồn và phát triển tài nguyên rừng trên diện tích tổ chức hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; giải pháp phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.	23	1.1. Có Thuyết minh đầy đủ, rõ ràng phương án tổ chức kinh doanh = 10 điểm; Thuyết minh đầy đủ, rõ ràng nhưng chưa có dự báo thị trường = 8 điểm; Thuyết minh đầy đủ nhưng chưa có dự báo thị trường, chưa có lộ trình phát triển = 5 điểm; trình bày chung chung = 3 điểm. 1.2. Đáp ứng đầy đủ, chi tiết (BVR, PCCCR, quản lý du khách, hạn chế tác động, rác thải, nước thải, có mô hình vận hành cụ thể,...) = 7 điểm; Đầy đủ, chi tiết nhưng chưa có mô hình, biện pháp vận hành cụ thể = 5 điểm; trình bày chung chung = 3 điểm. 1.3. Có giải pháp và cam kết ≥ 50% lao động địa phương + đào tạo nghề + sử dụng dịch vụ bản địa. = 5đ; ≥ 30% ≤ 50% = 4đ; ≤ 30% = 3 điểm. 1.4. Có đóng góp hoặc đã thực hiện dự án về lĩnh vực lâm nghiệp, tài trợ cây, hỗ trợ PCCCR.... = 1 điểm;	Đánh giá

	1.3. Có giải pháp sử dụng nguồn lao động địa phương; phát triển cộng đồng và bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa bản địa. 1.4. Có tài liệu chứng minh đã từng có hoạt động đóng góp cho ngành lâm nghiệp (tài trợ cây, tài trợ đề án, tài trợ ngân sách...nếu có)			
2	Có sơ đồ bản vẽ không gian kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật kết nối các điểm du lịch trong đó thể hiện rõ các vị trí, khu vực dự kiến, địa điểm, quy mô, vật liệu, chiều cao mật độ, hình ảnh minh họa, thời gian tồn tại của công trình và tỷ lệ xây dựng công trình phù hợp với Đề án du lịch được duyệt (<i>Bản vẽ chi tiết sẽ được thể hiện tại dự án đầu tư</i>).	5	- Đáp ứng đầy đủ tiêu chí = 5 điểm; - Đáp ứng tiêu chí nhưng chưa rõ vật liệu, mật độ,... = 3 điểm.	Đánh giá
3	Có báo cáo đã đi khảo sát thực tế, trình bày hiểu biết về hiện trạng rừng và tình trạng xã hội tại khu vực thuê môi trường rừng (có tài liệu chứng minh và tọa độ vị trí có ghi nhận thời điểm). <i>Ưu tiên: Có cam kết nếu được lựa chọn thuê môi trường rừng tổ chức, cá nhân phải tổ chức đánh giá hiện trạng rừng trước khi ký hợp đồng thuê môi trường rừng.</i>	6	- Đáp ứng đầy đủ tiêu chí = 6 điểm; - Đáp ứng tiêu chí nhưng không có tọa độ và mô tả hiện trạng = 3 điểm.	Đánh giá
III	Phương án đầu tư tài chính, dự kiến nguồn thu và phương án giá thuê môi trường rừng	16		
1	Có phương án đầu tư tài chính, dự kiến nguồn thu và đề xuất tổng mức đầu tư dự án, sơ bộ các chi phí trong tổng mức đầu tư và phân kỳ đầu tư phù hợp với Phương án tổ chức kinh doanh tại mục II.	7	- Đáp ứng đầy đủ, chi tiết tiêu chí; tổng dự án đầu tư phù hợp với năng lực tài chính của tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng, với tổng mức đầu tư ≥ 10 tỷ = 7 điểm. - Đáp ứng đầy đủ, chi tiết tiêu chí; tổng dự án đầu tư phù hợp với năng lực tài chính của tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng, với tổng mức đầu tư từ 7- ≤ 10 tỷ = 6 điểm. - Đáp ứng đầy đủ, chi tiết tiêu chí; tổng dự án đầu tư phù hợp với năng lực tài chính của tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng, với	Đánh giá

			tổng mức đầu tư 5-≤7 tỷ =5 điểm	
2	Tổ chức, cá nhân phải có phương án giá thuê môi trường rừng được tính theo tỷ lệ phần trăm trên tổng doanh thu và phải quy ra giá trị tuyệt đối làm cơ sở để Ban quản lý rừng ghi vào hợp đồng thuê môi trường rừng) và cam kết thực hiện theo từng năm. Giá thuê được tính trên tỷ lệ tổng doanh thu thực hiện trong năm của bên thuê môi trường rừng trong phạm vi diện tích dự kiến thuê môi trường rừng.	9	- Đáp ứng đầy đủ tiêu chí và Giá thuê $\geq 3\%$ tổng doanh thu = 9 điểm; - Đáp ứng đầy đủ tiêu chí và Giá thuê $2 < 3\%$ tổng doanh thu = 8 điểm; - Đáp ứng đầy đủ tiêu chí và Giá thuê $1 < 2\%$ tổng doanh thu = 7 điểm.	Đánh giá
IV	Phương án xử lý tài sản sau khi hết thời hạn hợp đồng	5		
1	Có phương án xử lý tài sản (bao gồm cả tài sản cố định và công cụ dụng cụ, vật tư) sau khi kết thúc hợp đồng.	5	- Đáp ứng đầy đủ, chi tiết = 5 điểm; - Chưa đầy đủ hoặc chưa nêu rõ phương pháp (bàn giao, thanh lý, tháo dỡ) = 2 điểm.	Đánh giá
V	Cam kết thời gian thực hiện dự án, thời gian khai thác, phát sinh doanh thu	8		
1	Có kế hoạch, lộ trình tổng thể thực hiện dự án, kèm theo cam kết thể hiện cụ thể thời gian thực hiện dự án, thời gian dự kiến khai thác, thời gian dự kiến phát sinh doanh thu. Chú ý các hạng mục đầu tư kết hợp giữa du lịch và giải pháp lâm sinh, đặt mục tiêu bảo vệ và phát triển rừng lên hàng đầu, du lịch được lồng ghép để gia tăng nguồn thu.	6	- Có kế hoạch, lộ trình và thời gian hoàn thành hạng mục đầu tư <12 tháng = 6 điểm; - Có kế hoạch, lộ trình và thời gian hoàn thành hạng mục đầu tư từ 12 - ≤ 18 tháng = 5 điểm; - Có kế hoạch, lộ trình và thời gian hoàn thành hạng mục đầu tư từ 18 - ≤ 24 tháng = 4 điểm.	Đánh giá
VI	Ưu tiên đối với tổ chức, cá nhân nhận khoán bảo vệ rừng được đánh giá thực hiện tốt công tác bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học (Trường hợp có từ 2 tổ chức, cá nhân trở lên bằng điểm nhau trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá thì ưu tiên tổ chức, cá nhân: (1) đã nhận khoán bảo vệ rừng. (2) bảo vệ	2	- Đã nhận khoán bảo vệ rừng được đánh giá tốt được minh chứng bằng văn bản = 2 điểm; - Bảo vệ rừng tốt tại các nơi khác đã thuê môi trường rừng được minh chứng bằng văn bản = 1 điểm; - Không có = 0 điểm.	Đánh giá

	rừng tốt tại các nơi khác đã thuê môi trường rừng được minh chứng bằng văn bản).			
VII	Các điều kiện chuyên môn khác về quản lý rừng bền vững và tiêu chí khác	10		
1	Có cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền về: Bảo vệ môi trường, bảo vệ rừng, đa dạng sinh học và cam kết gắn bó lợi ích lâu dài với Khu Bảo tồn.	5	Đạt/Không đạt	Bắt buộc
2	Có cam kết, giải pháp và thỏa thuận để không tạo ra xung đột lợi ích hộ gia đình, cộng đồng nhận khoán trên diện tích thuê môi trường rừng theo Đề án được phê duyệt, giảm sức ép lên lực lượng bảo vệ rừng (<i>Trường hợp có từ 02 tổ chức, cá nhân trở lên bằng điểm nhau. Ưu tiên tổ chức, cá nhân không thuê toàn bộ diện tích rừng theo Đề án hiện đang giao khoán bảo vệ rừng cho hộ gia đình, cộng đồng</i>).	5	- Đáp ứng đầy đủ tiêu chí = 5 điểm; - Đáp ứng tiêu chí nhưng chưa đầy đủ, chi tiết = 4 điểm.	Đánh giá
TỔNG SỐ ĐIỂM		100		

Ghi chú:

1. Điểm tổng hợp được xác định trên cơ sở tổng số điểm về năng lực, kinh nghiệm, phương án kinh doanh, hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương tương ứng của từng tiêu chuẩn được quy định tại Hồ sơ kỹ thuật. bảo đảm là 100 điểm

2. Điểm tổng hợp được xác định theo công thức sau:

$$T = T_1 + T_2 + T_4 + T_5 + T_6 + T_7$$

Trong đó:

T_1 = điểm về Năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng.

T_2 = điểm về Phương án tổ chức kinh doanh phù hợp với Đề án đã được phê duyệt.

T_3 = điểm về Phương án đầu tư tài chính; dự kiến nguồn thu và phương án giá thuê môi trường rừng.

T_4 = điểm về Phương án xử lý tài sản sau khi kết thúc hợp đồng.

T_5 = điểm về cam kết thời gian thực hiện dự án, thời gian khai thác, phát sinh doanh thu.

T_6 = điểm về ưu tiên đối với tổ chức, cá nhân đã nhận khoán bảo vệ rừng được đánh giá thực hiện tốt công tác bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

T_7 = điểm về các điều kiện chuyên môn khác về quản lý rừng bền vững.

3. Tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng phải đáp ứng điểm tối thiểu sau đây để được đánh giá, xếp hạng:

Tổ chức, cá nhân sẽ được xếp hạng trên cơ sở tổng điểm để đáp ứng yêu cầu có tổng số điểm không thấp hơn **67 điểm** và điểm đánh giá của từng nội dung phải đảm bảo điểm yêu cầu tối thiểu theo quy định tại Bảng 1 nêu trên.

4. Tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng đáp ứng điểm tối thiểu quy định tại mục 3 này và có điểm tổng hợp cao nhất được xếp hạng thứ nhất.

CHƯƠNG III. BIỂU MẪU HỒ SƠ THUÊ MÔI TRƯỜNG RỪNG

1. Mẫu số 01: Đơn đề nghị thuê môi trường rừng.
2. Mẫu số 02: Giấy ủy quyền.
3. Mẫu số 03: Thỏa thuận liên danh.
4. Mẫu số 04: Thông tin về tổ chức, cá nhân.
5. Mẫu số 05: Kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân
6. Mẫu số 06: Năng lực tài chính tổ chức, cá nhân
7. Mẫu số 07: Cam kết nguồn cung cấp tài chính.
8. Mẫu số 08: Biểu đánh giá tính hợp lệ của Hồ sơ thuê môi trường rừng của tổ chức, cá nhân.
9. Mẫu số 09: Bảng chấm điểm hồ sơ thuê môi trường rừng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THUÊ MÔI TRƯỜNG RỪNG ⁽¹⁾

Kính gửi: Ban quản lý rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ thuê môi trường rừng của Ban quản lý rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh do Ban quản lý rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh (sau đây gọi tắt là Bên cho thuê) phát hành ngày...tháng...năm 2025 và văn bản sửa đổi lựa chọn thuê môi trường rừng hồ sơ thuê môi trường rừng số ngày __[ghi số, ngày của văn bản sửa đổi (nếu có)],

Chúng tôi, __[ghi tên tổ chức, cá nhân] đề nghị thuê môi trường rừng đối với tuyến, điểm du lịch số (ghi rõ Tên tuyến, điểm du lịch; Vị trí (Lô, Khoảnh, Tiểu khu, phân khu); Diện tích (ha) của các tuyến, điểm du lịch có nhu cầu thuê môi trường rừng).

Mục đích: Đề nghị thuê môi trường rừng để __[ghi rõ mục đích].

Giá đề nghị thuê môi trường rừng: __[ghi giá thuê môi trường rừng]

Hồ sơ đề nghị thuê môi trường rừng này được nộp không có điều kiện và ràng buộc kèm theo.

Chúng tôi sẵn sàng cung cấp cho Ban quản lý rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh bất kỳ thông tin bổ sung, làm rõ cần thiết nào khác khi Ban quản lý rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh yêu cầu.

Chúng tôi cam kết⁽²⁾:

1. Tham gia hồ sơ thuê môi trường rừng này với tư cách là tổ chức, cá nhân độc lập/ thành viên liên danh.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong lựa chọn thuê môi trường rừng.
4. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông đồng, cản trở và các hành vi vi phạm khác của pháp luật khi tham gia lựa chọn tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng.

5. Những thông tin kê khai trong hồ sơ xin thuê môi trường rừng là chính xác, trung thực.

6. Chúng tôi đồng ý và cam kết chịu mọi trách nhiệm liên quan đối với tất cả các nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong quá trình xin thuê môi trường rừng.

7. Chúng tôi tự nguyện chịu mọi chi phí phát sinh khi khảo sát hiện trường, lập hồ sơ, thuê tư vấn tham gia...

Hồ sơ xin thuê môi trường rừng này có hiệu lực trong thời gian __ ngày⁽³⁾ [ghi số ngày], kể từ ngày __ tháng __ năm __⁽⁴⁾ [ghi ngày có thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đề nghị thuê môi trường rừng].

Đại diện hợp pháp của tổ chức, cá nhân⁽⁵⁾ [ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)⁽⁶⁾]

Ghi chú:

(1) Tổ chức, cá nhân lưu ý ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của BQL rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh, tổ chức, cá nhân, thời gian có hiệu lực của hồ sơ thuê môi trường rừng.

(2) Trường hợp phát hiện tổ chức, cá nhân vi phạm các cam kết này thì tổ chức, cá nhân bị coi là có hành vi gian lận và hồ sơ thuê môi trường rừng bị loại; đồng thời, tổ chức, cá nhân sẽ bị xử lý vi phạm theo quy định.

(3) Thời gian có hiệu lực của hồ sơ thuê môi trường rừng được tính kể từ ngày có thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đề nghị thuê môi trường rừng đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong hồ sơ thuê môi trường rừng.

(4) Ghi ngày có thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đề nghị thuê môi trường rừng theo quy định tại Bảng chỉ dẫn tổ chức, cá nhân.

(5) Đối với tổ chức, cá nhân độc lập, đơn đề nghị thuê môi trường rừng phải được đại diện hợp pháp của tổ chức, cá nhân ký tên, đóng dấu. Đối với tổ chức, cá nhân liên danh, đơn đề nghị thuê môi trường rừng phải được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc của thành viên đứng đầu liên danh theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có).

Đại diện hợp pháp của tổ chức, cá nhân/thành viên liên danh được xác định theo quy định tại Bảng chỉ dẫn tổ chức, cá nhân.

(6) Trường hợp tổ chức, cá nhân nước ngoài không có con dấu thì phải cung cấp xác nhận của tổ chức có thẩm quyền về việc chữ ký trong đơn đề nghị thuê môi trường rừng và các tài liệu khác trong Hồ sơ môi trường rừng là của người đại diện hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN

Hôm nay, ngày__ tháng__ năm__, tại __

Tôi là __[ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của tổ chức, cá nhân], là người đại diện theo pháp luật của __[ghi tên tổ chức, cá nhân] có địa chỉ tại __[ghi địa chỉ của tổ chức, cá nhân], bằng văn bản này ủy quyền cho: __[ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia thuê môi trường rừng __[ghi tên khu vực dự kiến cho thuê môi trường rừng] do __[ghi tên Ban quản lý rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh cho thuê] tổ chức:

[Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc một số công việc sau:

- Ký đơn xin thuê môi trường rừng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Ban quản lý rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh trong quá trình tham gia xin thuê môi trường rừng, kể cả văn bản đề nghị làm rõ Hồ sơ thuê môi trường rừng, văn bản giải trình, làm rõ Hồ sơ thuê môi trường rừng;

- Ký các văn bản kiến nghị trong lựa chọn tổ chức, cá nhân(nếu có);

- Các công việc khác (ghi rõ nội dung các công việc, nếu có)].

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi được ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của __[ghi tên tổ chức, cá nhân]. ____ [ghi tên người đại diện theo pháp luật của tổ chức, cá nhân] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày__ đến ngày__⁽¹⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành bản có giá trị pháp lý như nhau. Người ủy quyền giữ ... bản. Người được ủy quyền giữ bản. Đính kèm theo bản gốc của Hồ sơ thuê môi trường rừng một (01) bản gốc.

Người được ủy quyền <i>[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)⁽²⁾]</i>	Người ủy quyền <i>[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của tổ chức, cá nhân, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)⁽³⁾]</i>
--	--

Ghi chú:

(1) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia xin thuê môi trường rừng.

(2), Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của tổ chức, cá nhân hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THỎA THUẬN LIÊN DANH

(Địa điểm), ngày__ tháng__ năm __

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh: *[Ghi tên từng thành viên liên danh]*

- Quốc gia nơi đăng ký hoạt động:
- Mã số thuế:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Fax:
- Email:
- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:

Giấy ủy quyền số__ ngày__ tháng__ năm__ *(trường hợp được ủy quyền)*.

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham gia lựa chọn thuê môi trường rừng khu vực dự kiến cho thuê môi trường rừng *[ghi tên khu vực dự kiến cho thuê môi trường rừng lô, khoảnh, tiểu khu, diện tích; tuyến, điểm vị trí...]*.

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến khu vực dự kiến cho thuê môi trường rừng là: *[ghi tên của liên danh theo thỏa thuận]*.

Địa chỉ giao dịch của Liên danh:

Điện thoại:

Fax:

Email:

Người đại diện của Liên danh:

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với tổ chức, cá nhân khác để tham gia lựa chọn thuê môi trường rừng khu vực dự kiến cho thuê môi trường rừng này.

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm như sau:

1. Các bên nhất trí thỏa thuận cho [ghi tên một thành viên] là thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh để thực hiện các công việc sau:

[Thành viên đứng đầu liên danh có thể đại diện cho liên danh để thực hiện một hoặc một số công việc sau:

- Ký đơn đề nghị thuê môi trường rừng;
- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Ban quản lý rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh trong quá trình tham gia lựa chọn thuê môi trường rừng, kể cả văn bản đề nghị làm rõ Hồ sơ môi trường rừng và văn bản giải trình, làm rõ Hồ sơ môi trường rừng;
- Ký các văn bản kiến nghị trong lựa chọn tổ chức, cá nhân (nếu có);
- Các công việc khác, trừ việc ký kết hợp đồng (ghi rõ nội dung các công việc, nếu có)].

2. Vai trò, trách nhiệm của các thành viên liên danh⁽¹⁾ [ghi cụ thể vai trò, trách nhiệm của từng thành viên liên danh và ghi tỷ lệ phần trăm vốn góp chủ sở hữu trong liên danh]:

TT	Tên thành viên	Vai trò tham gia [Ghi phần công việc mà thành viên đảm nhận (thu xếp tài chính, xây dựng, quản lý, vận hành,...)]	Vốn chủ sở hữu	
			Giá trị	Tỷ lệ %
1	Thành viên 1 [Đứng đầu liên danh]			
2	Thành viên 2			
3	Thành viên 3			
...				
Tổng				100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên thỏa thuận cùng chấm dứt;

- Có sự thay đổi thành viên liên danh. Trong trường hợp này, nếu sự thay đổi thành viên liên danh được Ban quản lý rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh chấp thuận thì các bên phải thành lập thỏa thuận liên danh mới;

- Liên danh không được lựa chọn thuê môi trường rừng;

- Hủy việc lựa chọn thuê môi trường rừng khu vực dự kiến cho thuê môi trường rừng theo thông báo của Ban quản lý rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh;

- Hủy việc lựa chọn tổ chức, cá nhân theo thông báo của Ban quản lý rừng đặc dụng Tây Côn Lĩnh;

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng khu vực dự kiến cho thuê môi trường rừng.

Thỏa thuận liên danh này được lập thành__ bản gốc, mỗi thành viên liên danh giữ__ bản, nộp kèm theo Hồ sơ thuê môi trường rừng 01 bản gốc. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.

Đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh⁽²⁾

[ghi tên đại diện hợp pháp của từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)⁽³⁾]

Ghi chú:

(1) Tổ chức, cá nhân phải kê khai vai trò tham gia và tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu của từng thành viên liên danh.

(2) Đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh được xác định theo quy định tại Bảng chỉ dẫn tổ chức, cá nhân.

(3) Trường hợp thành viên liên danh là tổ chức, cá nhân nước ngoài không có con dấu thì phải cung cấp xác nhận của tổ chức có thẩm quyền về việc chữ ký trong thỏa thuận liên danh là của người đại diện hợp pháp của thành viên liên danh.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Địa điểm), ngày__ tháng__ năm__

1. Tên tổ chức, cá nhân/thành viên liên danh:
2. Ngành nghề kinh doanh/Quốc gia nơi đăng ký hoạt động của tổ chức, cá nhân:
3. Năm thành lập:
4. Địa chỉ hợp pháp của tổ chức, cá nhân tại quốc gia đăng ký:
5. Thông tin về đại diện hợp pháp của tổ chức, cá nhân:
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Mã số thuế:
 - Số điện thoại/fax:
 - Địa chỉ e-mail:
6. Sơ đồ tổ chức của tổ chức, cá nhân.

Đại diện hợp pháp của tổ chức, cá nhân
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

- (1) Trường hợp tổ chức, cá nhân liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.
- (2) Tổ chức, cá nhân cần nộp kèm theo bản sao một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà tổ chức, cá nhân đang hoạt động cấp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

KINH NGHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Địa điểm), ngày__ tháng__ năm__

[Tổ chức, cá nhân liệt kê kinh nghiệm đã ký hợp đồng thuê môi trường rừng tại đơn vị khác, có kinh nghiệm tổ chức tạo doanh thu từ môi trường rừng⁽¹⁾ và có hồ sơ chứng minh kèm theo⁽²⁾]

Đại diện hợp pháp của tổ chức, cá nhân

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Tổ chức, cá nhân có thể điều chỉnh, bổ sung yêu cầu kê khai thông tin tại Mẫu này để phù hợp với tiêu chí đánh giá về kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân

(2) Tổ chức, cá nhân phải cung cấp các tài liệu chứng minh về năng lực...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN⁽¹⁾

1. Tên TỔ CHỨC, CÁ NHÂN:

2. Thông tin về năng lực tài chính ⁽²⁾:

a) Tóm tắt các số liệu về tài chính:

STT	Nội dung	Giá trị
I	Vốn chủ sở hữu cam kết sử dụng cho dự án	
II	Các số liệu về vốn chủ sở hữu của tổ chức, cá nhân	
1	Tổng vốn chủ sở hữu	
2	Vốn chủ sở hữu cam kết cho các dự án đang thực hiện ⁽³⁾ (không gồm vốn đã được giải ngân cho các dự án đang thực hiện) và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có)	
3	Vốn chủ sở hữu phải giữ lại theo quy định	
4		

b) Tài liệu đính kèm

- Báo cáo tài chính của tổ chức, cá nhân năm gần nhất; Báo cáo tài chính giữa niên độ theo quy định của pháp luật (nếu có).

Các báo cáo do tổ chức, cá nhân cung cấp phải bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật về tài chính, kế toán, phản ánh tình hình tài chính riêng của tổ chức, cá nhân hoặc thành viên liên danh (nếu là tổ chức, cá nhân liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ hoặc công ty con hoặc công ty liên kết với tổ chức, cá nhân hoặc thành viên liên danh.

Đại diện hợp pháp của tổ chức, cá nhân

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Trường hợp tổ chức, cá nhân liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của các số liệu, tài liệu cung cấp liên quan đến vốn chủ sở hữu, phân bổ vốn chủ sở hữu cho các dự án đang thực hiện và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có). Trường hợp phát hiện thông tin kê khai là không chính xác, làm sai lệch kết quả đánh giá thì sẽ bị coi là gian lận theo quy định và bị loại.

(3) Trường hợp tại cùng một thời điểm tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư nhiều dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có), tổ chức, cá nhân lập danh sách dự án đang thực hiện và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác, bảo đảm tổng vốn chủ sở hữu của tổ chức, cá nhân đáp ứng đủ cho toàn bộ số vốn chủ sở hữu tổ chức, cá nhân cam kết thực hiện cho tất cả các dự án và khoản đầu tư tài chính dài hạn khác theo quy định

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

CAM KẾT NGUỒN CUNG CẤP TÀI CHÍNH

(Địa điểm), ngày ___ tháng ___ năm ___
 1. Tôi là ___ [ghi tên], ___ [ghi chức vụ], là đại diện hợp pháp của ___ [ghi tên tổ chức, cá nhân/tên liên danh đầu tư], xác nhận và cam kết rằng những thông tin được cung cấp trong văn bản này là đúng sự thật và các tài liệu kèm theo là bản sao chính xác với tài liệu gốc.

2. Các nguồn tài chính, tín dụng sau đây đã được cam kết và sẽ được huy động để thực hiện dự án:

Nguồn tài chính	Giá trị⁽¹⁾
I. Vốn chủ sở hữu cam kết góp vào dự án:	
1.	
2.	
...	
II. Vốn vay tổ chức, cá nhân phải huy động:	
1.	
2.	
...	

3. Tài liệu kèm theo:

- Đối với vốn chủ sở hữu: Văn bản cam kết bảo đảm đủ vốn chủ sở hữu theo phương án tài chính cho dự án của đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ kèm theo các tài liệu chứng minh về thẩm quyền ký cam kết.

- Đối với vốn vay: Văn bản cam kết cung cấp tài chính của ngân hàng, tổ chức tín dụng hoặc bên cho vay khác theo quy định của pháp luật kèm theo các tài liệu chứng minh thẩm quyền của người ký cam kết.

- Tài liệu liên quan khác.

Đại diện hợp pháp của tổ chức cá nhân
 [ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LỆ CỦA HỒ SƠ ĐĂNG KÝ THUÊ MÔI TRƯỜNG RỪNG

Hồ sơ đăng ký thuê môi trường rừng của tổ chức, cá nhân: Công ty Cổ phần

STT	Nội dung đánh giá trong hồ sơ đăng ký thuê môi trường rừng của đơn vị thuê môi trường rừng	Kết quả đánh giá của Tổ giúp việc		Ghi chú
		Đạt	Không đạt	
1	Số lượng bản gốc, bản sao hồ sơ thuê môi trường rừng	☐	☐	
2	Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản sao để phục vụ quá trình đánh giá hồ sơ đăng ký thuê môi trường rừng	☐	☐	
3	Có bản gốc hồ sơ đăng ký thuê môi trường rừng	☐	☐	
4	Đáp ứng Mục 3 Chương: I Chỉ dẫn tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng	☐	☐	
5	Đơn đề nghị thuê môi trường rừng (mẫu số 01)	☐	☐	
6	Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn đề nghị thuê môi trường rừng	☐	☐	
7	Giấy ủy quyền ký đơn đề nghị thuê môi trường rừng theo quy định tại (mẫu số 02).	☐	☐	
8	Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân (mẫu số 05)	☐	☐	
9	Có báo cáo thuyết minh phương án tổ chức kinh doanh phù hợp với Đề án Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí của Khu Bảo tồn đã được UBND tỉnh phê duyệt	☐	☐	
10	Có phương án đầu tư tài chính trong đó thể hiện rõ dự kiến nguồn thu và phương án giá thuê môi trường rừng	☐	☐	
11	Có phương án xử lý tài sản sau khi hết thời hạn hợp đồng (do hết hạn hợp đồng nhưng không được gia hạn, do chấm dứt hợp đồng bởi nguyên nhân khác)	☐	☐	
12	Có cam kết thời gian thực hiện dự án, thời	☐	☐	

	gian khai thác, phát sinh doanh thu			
13	Các điều kiện khác về quản lý rừng bền vững	☐	☐	
KẾT LUẬN		Đạt hoặc không đạt		

Ghi chú: Tổ tư vấn thực hiện Đề án du lịch sinh thái của Ban quản lý rừng kiểm tra, đối chiếu hồ sơ thuê môi trường rừng của tổ chức, cá nhân với Hồ sơ kỹ thuật để làm căn cứ đánh giá tính hợp lệ hồ sơ của tổ chức, cá nhân.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

**BẢNG CHẤM ĐIỂM HỒ SƠ THUÊ MÔI TRƯỜNG RỪNG THỰC HIỆN DU LỊCH SINH THÁI, NGHỈ DƯỠNG, GIẢI TRÍ
TRONG KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN TÂY CÔN LĨNH GIAI ĐOẠN 2024 – 2030**

1. Họ và tên Người chấm điểm:
2. Chức vụ:
3. Đơn vị công tác:
4. Chấm điểm cho hồ sơ của tổ chức, cá nhân:.....
(Tên tổ chức, cá nhân hoặc tên hồ sơ dự tuyển):.....
.....
5. Ngày chấm điểm:

STT	Tiêu chí cụ thể đánh giá xét chọn tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng (quy định tại điểm c khoản 6 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP của Chính phủ)	Điều kiện	Nội dung và yêu cầu để tính điểm so với các tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm thẩm định	Ghi chú
I	Năng lực, kinh nghiệm tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng trong lĩnh vực liên quan đến du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.			27		
1	Có đơn đăng ký tham gia thuê môi trường rừng để kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại Khu Bảo	Bắt buộc	Đạt/Không đạt	5		

	tồn. Bao gồm các nội dung sau: <i>(Tên tổ chức, cá nhân đăng ký tham dự; Địa chỉ; Thông tin địa điểm muốn thuê khai thác du lịch.)</i>					
2	2.1. Có giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép thành lập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật trong đó có ngành nghề kinh doanh du lịch, lữ hành (tour), nông lâm nghiệp. <i>(Lưu ý: Tổ chức, cá nhân cung cấp bản sao y chứng thực).</i> 2.2. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn đề nghị thuê môi trường rừng. 2.3. Thỏa thuận liên doanh, Giấy ủy quyền ký đơn nghị thuê môi trường rừng theo quy định (nếu có)	Bắt buộc	Đạt/Không đạt	6		
3	Tổ chức, cá nhân đã từng hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí, đã có triển khai các hoạt động liên quan đến dự án môi trường rừng (ưu tiên tổ chức, cá nhân đã thuê môi trường rừng thực hiện du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí). <i>Lưu ý: Tổ chức, cá nhân cung cấp bản sao y chứng thực hợp đồng, tài liệu liên quan</i>	Đánh giá	- Có hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh đã triển khai hoạt động ≥ 5 năm = 6 điểm; 3- <5 năm = 5 điểm; < 3 năm = 4 điểm.	6		
4	Có tài liệu thể hiện rõ bộ máy nhân lực để quản lý, vận hành dự án thuê môi trường rừng (nhân lực về lĩnh vực du lịch hoặc nông lâm nghiệp hoặc các lĩnh vực khác có liên quan). <i>Lưu ý: Tổ chức, cá nhân kê khai nhân lực của tổ chức, cá nhân có nhân sự quản lý, nhân sự về tài chính.</i>	Bắt buộc	Đạt/Không đạt	5		
5	- Có đầy đủ hồ sơ, tài liệu hợp pháp chứng minh năng lực tài chính của tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng, bảo đảm khả năng đầu tư và chi trả tiền thuê môi trường rừng tại điểm đăng ký trong thời hạn tối thiểu 10 năm liên tiếp;	Đánh giá	- Đáp ứng đầy đủ tiêu chí và đã có doanh thu từ du lịch > 3 tỷ = 5 điểm; - Đáp ứng đầy đủ tiêu chí và đã có doanh thu từ du lịch từ 1-≤ 3 tỷ = 4 điểm; - Đáp ứng đầy đủ tiêu chí và đã có doanh	5		

	- Có Báo cáo tài chính năm gần nhất (năm liền kề) thể hiện phát sinh doanh thu từ hoạt động du lịch. <i>Lưu ý: Ưu tiên tổ chức, cá nhân cung cấp Báo cáo tài chính năm liền kề đã qua kiểm toán</i>		thu từ du lịch $\leq 1\text{ tỷ} = 3$ điểm.			
II	Phương án tổ chức kinh doanh			34		
1	Có thuyết minh Hồ sơ đề xuất (tương tự Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án Du lịch sinh thái, giải trí phù hợp với Đề án được UBND tỉnh phê duyệt. Trong đó lưu ý thêm: 1.1. Thuyết minh phương án tổ chức kinh doanh (Loại hình du lịch, sản phẩm du lịch và phương án đầu tư, xây dựng công trình dự án (gồm phạm vi, quy mô, sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án, thời gian, tiến độ, phân kỳ đầu tư xây dựng công trình)). 1.2. Giải pháp bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng, bảo tồn và phát triển tài nguyên rừng trên diện tích tổ chức hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; giải pháp phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. 1.3. Có giải pháp sử dụng nguồn lao động địa phương; phát triển cộng đồng và bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa bản địa. 1.4. Có tài liệu chứng minh đã từng có hoạt động đóng góp cho ngành lâm nghiệp (tài trợ cây, tài trợ đề án, tài trợ ngân sách...nếu có)	Đánh giá	1.1. Có Thuyết minh đầy đủ, rõ ràng phương án tổ chức kinh doanh = 10 điểm; Thuyết minh đầy đủ, rõ ràng nhưng chưa có dự báo thị trường = 8 điểm; Thuyết minh đầy đủ nhưng chưa có dự báo thị trường, chưa có lộ trình phát triển = 5 điểm; trình bày chung chung = 3 điểm. 1.2. Đáp ứng đầy đủ, chi tiết (BVR, PCCCR, quản lý du khách, hạn chế tác động, rác thải, nước thải, có mô hình vận hành cụ thể,...) = 7 điểm; Đầy đủ, chi tiết nhưng chưa có mô hình, biện pháp vận hành cụ thể = 5 điểm; trình bày chung chung = 3 điểm. 1.3. Có giải pháp và cam kết $\geq 50\%$ lao động địa phương + đào tạo nghề + sử dụng dịch vụ bản địa. = 5đ; $\geq 30\% \leq 50\% = 4\text{đ}$; $\leq 30\% = 3$ điểm. 1.4. Có đóng góp hoặc đã thực hiện dự án về lĩnh vực lâm nghiệp, tài trợ cây, hỗ trợ PCCCR.... = 1 điểm;	23		
2	Có sơ đồ bản vẽ không gian kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật kết nối các điểm du lịch trong đó thể hiện rõ các vị trí, khu vực dự kiến, địa điểm, quy mô, vật liệu, chiều cao	Đánh giá	- Đáp ứng đầy đủ tiêu chí = 5 điểm; - Đáp ứng tiêu chí nhưng chưa rõ vật liệu, mật độ,... = 3 điểm..	5		

	mật độ, hình ảnh minh họa, thời gian tồn tại của công trình và tỷ lệ xây dựng công trình phù hợp với Đề án du lịch được duyệt (<i>Chi tiết vị trí chính xác sẽ được thể hiện tại dự án đầu tư</i>).				
3	Có báo cáo đã đi khảo sát thực tế, trình bày hiểu biết về hiện trạng rừng và tình trạng xã hội tại khu vực thuê môi trường rừng (có tài liệu chứng minh và tọa độ vị trí có ghi nhận thời điểm). <i>Ưu tiên: Có cam kết nếu được lựa chọn thuê môi trường rừng tổ chức, cá nhân phải tổ chức đánh giá hiện trạng rừng trước khi ký hợp đồng thuê môi trường rừng.</i>	Đánh giá	- Đáp ứng đầy đủ tiêu chí = 6 điểm; - Đáp ứng tiêu chí nhưng không có tọa độ và mô tả hiện trạng = 3 điểm.	6	
III	Phương án đầu tư tài chính, dự kiến nguồn thu và phương án giá thuê môi trường rừng			16	
1	Có phương án đầu tư tài chính, dự kiến nguồn thu và đề xuất tổng mức đầu tư dự án, sơ bộ các chi phí trong tổng mức đầu tư và phân kỳ đầu tư phù hợp với Phương án tổ chức kinh doanh tại mục II.	Đánh giá	- Đáp ứng đầy đủ, chi tiết tiêu chí; tổng dự án đầu tư phù hợp với năng lực tài chính của tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng, với tổng mức đầu tư ≥ 10 tỷ = 7 điểm. - Đáp ứng đầy đủ, chi tiết tiêu chí; tổng dự án đầu tư phù hợp với năng lực tài chính của tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng, với tổng mức đầu tư từ 7- ≤ 10 tỷ = 6 điểm. - Đáp ứng đầy đủ, chi tiết tiêu chí; tổng dự án đầu tư phù hợp với năng lực tài chính của tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng, với tổng mức đầu tư 5- ≤ 7 tỷ = 5 điểm.	7	
2	Tổ chức, cá nhân phải có phương án giá thuê môi trường rừng được tính theo tỷ lệ phần trăm trên tổng doanh thu và phải quy ra giá trị tuyệt đối làm cơ sở để Ban quản lý ghi vào hợp đồng thuê môi trường rừng) và cam kết thực hiện theo từng năm. Giá thuê được tính trên tỷ lệ tổng	Đánh giá	- Đáp ứng đầy đủ tiêu chí và Giá thuê $\geq 3\%$ tổng doanh thu = 9 điểm; - Đáp ứng đầy đủ tiêu chí và Giá thuê 2- $< 3\%$ tổng doanh thu = 8 điểm; - Đáp ứng đầy đủ tiêu chí và Giá thuê 1-	9	

	doanh thu thực hiện trong năm của bên thuê môi trường rừng trong phạm vi diện tích dự kiến thuê môi trường rừng.		<2% tổng doanh thu = 7 điểm.			
IV	Phương án xử lý tài sản sau khi hết thời hạn hợp đồng			5		
1	Có phương án xử lý tài sản (bao gồm cả tài sản cố định và công cụ dụng cụ, vật tư) sau khi kết thúc hợp đồng.	Đánh giá	- Đáp ứng đầy đủ, chi tiết = 5 điểm; - Chưa đầy đủ hoặc chưa nêu rõ phương pháp (bàn giao, thanh lý, tháo dỡ) = 2 điểm.	5		
V	Cam kết thời gian thực hiện dự án, thời gian khai thác, phát sinh doanh thu			8		
1	Có kế hoạch, lộ trình tổng thể thực hiện dự án, kèm theo cam kết thể hiện cụ thể thời gian thực hiện dự án, thời gian dự kiến khai thác, thời gian dự kiến phát sinh doanh thu. Chú ý các hạng mục đầu tư kết hợp giữa du lịch và giải pháp lâm sinh, đặt mục tiêu bảo vệ và phát triển rừng lên hàng đầu, du lịch được lồng ghép để gia tăng nguồn thu.	Đánh giá	- Có kế hoạch, lộ trình và thời gian hoàn thành hạng mục đầu tư <12 tháng = 6 điểm; - Có kế hoạch, lộ trình và thời gian hoàn thành hạng mục đầu tư từ 12 - ≤ 18 tháng = 5 điểm; - Có kế hoạch, lộ trình và thời gian hoàn thành hạng mục đầu tư từ 18 - ≤ 24 tháng = 4 điểm.	6		
VI	Ưu tiên đối với tổ chức, cá nhân nhận khoán bảo vệ rừng được đánh giá thực hiện tốt công tác bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học (Trường hợp có từ 2 tổ chức, cá nhân trở lên bằng điểm nhau trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá thì ưu tiên tổ chức, cá nhân: (1) đã nhận khoán bảo vệ rừng. (2) bảo vệ rừng tốt tại các nơi khác đã thuê môi trường rừng được minh chứng bằng văn bản).	Đánh giá	- Đã nhận khoán bảo vệ rừng được được đánh giá tốt được minh chứng bằng văn bản = 2 điểm; - Bảo vệ rừng tốt tại các nơi khác đã thuê môi trường rừng được minh chứng bằng văn bản = 1 điểm; - Không có = 0 điểm.	2		
VII	Các điều kiện chuyên môn khác về quản lý rừng bền vững và tiêu chí khác			10		
1	Có cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền về: Bảo vệ môi trường, bảo vệ rừng, đa dạng sinh học và	Bắt buộc	Đạt/Không đạt	5		

	cam kết gắn bó lợi ích lâu dài với Khu Bảo tồn.					
2	Có cam kết, giải pháp và thỏa thuận để không tạo ra xung đột lợi ích hộ gia đình, cộng đồng nhận khoán trên diện tích thuê môi trường rừng theo Đề án được phê duyệt, giảm sức ép lên lực lượng bảo vệ rừng (<i>Trường hợp có từ 02 tổ chức, cá nhân trở lên bằng điểm nhau. Ưu tiên tổ chức, cá nhân không thuê toàn bộ diện tích rừng theo Đề án hiện đang giao khoán bảo vệ rừng cho hộ gia đình, cộng đồng</i>).	Đánh giá	- Đáp ứng đầy đủ tiêu chí = 5 điểm; - Đáp ứng tiêu chí nhưng chưa đầy đủ, chi tiết = 4 điểm.	5		
TỔNG SỐ ĐIỂM				100		

Ghi chú:

1. Điểm tổng hợp được xác định trên cơ sở tổng số điểm về năng lực, kinh nghiệm, phương án kinh doanh, hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương tương ứng của từng tiêu chuẩn được quy định tại Hồ sơ kỹ thuật. bảo đảm là 100 điểm

2. Điểm tổng hợp được xác định theo công thức sau:

$$T = T_1 + T_2 + T_4 + T_5 + T_6 + T_7$$

Trong đó:

T_1 = điểm về Năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng.

T_2 = điểm về Phương án tổ chức kinh doanh phù hợp với Đề án đã được phê duyệt.

T_3 = điểm về Phương án đầu tư tài chính; dự kiến nguồn thu và phương án giá thuê môi trường rừng.

T_4 = điểm về Phương án xử lý tài sản sau khi kết thúc hợp đồng...

T_5 = điểm về cam kết thời gian thực hiện dự án, thời gian khai thác, phát sinh doanh thu.

T_6 = điểm về ưu tiên đối với tổ chức, cá nhân đã nhận khoán bảo vệ rừng được đánh giá thực hiện tốt công tác bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

T_7 = điểm về các điều kiện chuyên môn khác về quản lý rừng bền vững.

3. Tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng phải đáp ứng điểm tối thiểu sau đây để được đánh giá, xếp hạng:

Tổ chức, cá nhân sẽ được xếp hạng trên cơ sở tổng điểm để đáp ứng yêu cầu có tổng số điểm không thấp hơn 67 điểm và điểm đánh giá của từng nội dung phải đảm bảo điểm yêu cầu tối thiểu theo quy định tại Bảng 1 nêu trên.

4. Tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng đáp ứng điểm tối thiểu quy định tại mục 3 này và có điểm tổng hợp cao nhất được xếp hạng thứ nhất.

Phụ lục 01: BIỂU TỔNG HỢP CÁC ĐIỂM DU LỊCH SINH THÁI

STT	Tên điểm Du lịch sinh thái	Diện tích (ha)	Khái toán TMDT (triệu đồng)	Vị trí	Ghi chú
1	Điểm du lịch sinh thái Trúc hoa	185,56	70.000	Khoảnh 13, Tiểu khu 121A; khoảnh 16, 17, 18 Tiểu khu 120B; khoảnh 17, 18, 19, 20, 21, 25 Tiểu khu 120A.	
2	Điểm du lịch sinh thái Tổng Quá Sủ	410,22	120.000	Khoảnh 6, 7, 8, 9, 10 Tiểu khu 114A; Khoảnh 11, 13 Tiểu khu 121A; Khoảnh 7, 8, 13, 14 Tiểu khu 114B; Khoảnh 2, 5, 6, 7, 8, 11, 12, 13, 14, 16, 17, 18 Tiểu khu 120B	
3	Điểm du lịch Thung Lũng Hoa Đào	392,93	100.000	Khoảnh 10, Tiểu khu 114A; Khoảnh 11, 12, 13, 17, 18, 19, 23, 24, 28, 29 Tiểu khu 121A; khoảnh 16, Tiểu khu 120B,	
4	Điểm du lịch sinh thái Mào Phìn	224,5	90.000	Khoảnh 13, 19, 24, 29 Tiểu khu 121A và khoảnh 18, 19, 22, 23 Tiểu khu 120A	
5	Điểm du lịch sinh thái Túng Sán	769,39	200.000	Khoảnh 17 Tiểu khu 121 và khoảnh 18, 19, 20, 21, 22, 24, 25, 26, 27, 28, 29 Tiểu khu 121A; khoảnh 29, Tiểu khu 120A; khoảnh 1, 2, 3, 4, 6, 7, 8, 9 Tiểu khu 194B	
6	Điểm du lịch sinh thái Vườn thực vật	197,43	70.000	Khoảnh 18, 19, 20, 22, 23, 24, 25 Tiểu khu 120A; khoảnh 13, Tiểu khu 121A,	
7	Điểm du lịch sinh thái đình Tây Côn Lĩnh	114,56	60.000	Khoảnh 3, 4, 5 Tiểu khu 194B; Khoảnh 29, Tiểu khu 121A; Khoảnh 29, Tiểu khu 120A và khoảnh 8 Tiểu khu 143,	
8	Điểm du lịch sinh thái Lũng Vải	192,36	55.000	Khoảnh 10; 11; 12, Tiểu khu 126, khoảnh 11; 12, Tiểu khu 126A	

9	Điểm du lịch sinh thái suối Cự Sâu	325,98	70.000	Khoảnh 4, 5, 8 Tiểu khu 143A và khoảnh 11 tiểu khu 143	
10	Điểm du lịch sinh thái Đán Khao	221,42	65.000	Khoảnh 1, 2, Tiểu khu 232	

Phụ lục 02: BIỂU TỔNG HỢP CÁC TUYẾN DU LỊCH SINH THÁI

STT	Tên tuyến du lịch sinh thái	Chiều dài (km)	Khái toán TMĐT (triệu đồng)	Ghi chú
1	Mào Phìn - Đỉnh Tây Côn Lĩnh - Chủng Phùng	17	1000	
2	Lùng Tao - Đỉnh Tây Côn Lĩnh - Chủng Phùng	12	1000	
3	Lùng Vài - Rừng chè cổ thụ	4	500	
4	Đán Khao - Đỉnh Thượng Sơn	3	500	